

Số: 235 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
**(BỔ SUNG)**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Kiểm định Công trình Trọng điểm Thăng Long và Biên bản đánh giá bổ sung tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/8/2022.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty Cổ phần Kiểm định Công trình Trọng điểm Thăng Long.

Mã số thuế: 5600268590

Địa chỉ: Số nhà 120, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: D12, Khu tái định cư LK19a, LK19b, X7, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1333

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 63/GCN-BXD ngày 13/4/2021 và số 199/GCN-BXD ngày 07/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty Cổ phần Kiểm định Công trình Trọng điểm Thăng Long và có hiệu lực đến hết ngày 13/4/2026./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Kiểm định Công trình Trọng điểm Thăng Long;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**

**VỤ TRƯỞNG**

**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1333**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 235 /GCN-BXD, ngày 12 tháng 8 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử (*)
<b>ĐÁ XÂY DỰNG</b>		
1	Xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
<b>BỘT KHOÁNG DÙNG CHO BTN</b>		
3	Phương pháp thử Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>		
4	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất	AASHTO M145
<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
5	Xác định tỷ trọng khối của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm nén sử dụng mẫu bọc Parafin	AASHTO T275
6	Xác định độ rỗng dư của hỗn hợp bê tông nhựa chặt và bê tông nhựa hờ đã đầm chặt	ASTM D3203
7	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283
8	Xác định hàm lượng nước có trong hỗn hợp bê tông nhựa nóng bằng phương pháp tủ sấy	AASHTO T329
9	Rút gọn mẫu hỗn hợp bê tông nhựa nóng phục vụ thí nghiệm	AASHTO T32
10	Lấy mẫu hỗn hợp nhựa trải đường	AASHTO T168
11	Phương pháp xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17
12	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271:14; AASHTO T278; ASTM E 303
13	Xác định Cường độ chịu kéo khi uốn và Mô đun đàn hồi	22TCN 211-06
14	Độ bong tróc của hỗn hợp BTN	ASTM D3625; AASHTO T182
15	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	ASTM D6927
<b>HỖN HỢP CÀO BÓC TÁI SINH NGƯỜI</b>		
16	Cường độ chịu nén và độ biến dạng chính, cường độ chịu nén còn lại	TCVN 13150-1:20
17	Cường độ kéo khi ép chèn, hệ số cường độ kéo khi ép chèn	TCVN 8862; TCVN 13150-1:20; ASTM D 6931; BS EN 12697-23
18	Cường độ chịu nén không hạn chế nở hông, đặc tính tạo bột của nhựa đường	TCVN 13150-2:20
<b>BÊ TÔNG XI MĂNG</b>		
19	Xác định cường độ sớm của bê tông để dự đoán cường độ trong thời gian tiếp theo	AASHTO T276
20	Lấy mẫu và thí nghiệm tro bay hoặc Puzzolan tự nhiên sử dụng cho bê tông xi măng poóc lăng	ASTM C311
21	Đúc và bảo dưỡng mẫu bê tông ngoài hiện trường	AASHTO T23

*del*

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử (*)
22	Đúc và bảo dưỡng mẫu bê tông trong phòng thí nghiệm	AASHTO T126-90; ASTM C192-88
23	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
<b>THỬ NGHIỆM SƠN</b>		
24	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:93
25	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 9349:12
26	Xác định độ bền kiềm	TCVN 6934:01; ASTM D2248-13
27	Xác định hàm lượng rắn	TCVN 9014:11; ASTM D2134-07
28	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1475-08; ISO 2811-1:97
29	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:12; ASTM D2247-15
30	Độ dính bám	ASTM D4541
31	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, xác định độ bền nước của màng sơn, xác định độ bền kiềm của màng sơn, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, xác định độ thấm nước.	TCVN 8652:12; TCVN 8653:12; ASTM D870; ASTM D4213
32	Sơn bảo vệ lớp phủ: Xác định độ mất màu, độ tích bụi, độ thay đổi đã bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ gãy, độ phồng rộp, độ tạo vảy và bong tróc, độ phân hoá, độ thay đổi màu, mức độ phát triển của nấm và tảo, thử muối	TCVN 8785:11; TCVN 8792:11
33	Sơn bảo vệ kết cấu: Xác định màu sắc, độ nhớt, hàm lượng chất rắn, độ mịn, thời gian khô, độ cứng màng sơn, độ bền uốn, độ bám dính, độ bền va đập, độ chịu mặn, chịu axit, chịu kiềm, chịu dầu, độ bóng	TCVN 8789:2011; K5400:1990; ISO 2812
34	Sơn tín hiệu giao thông, sơn vạch đường hệ nước: Xác định độ mịn, độ phát sáng, độ bền rửa trôi, độ chống loang màu, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, kiềm, chịu nước, độ phản quang, mài mòn, điểm chảy mềm, độ kháng cháy, tỷ trọng, màu sắc, độ bền nhiệt, thời gian khô	TCVN 8786:11; TCVN 8787:11; AS2341.18; JISK5400, TCVN 2102:93, AS 2705S, AS1580.401.8
35	Sơn và vecni : Xác định phơi nhiễm với nguồn sáng phòng thử nghiệm, phép thử dao động tắt dần của con lắc, phép thử uốn, độ bền va đập tải trọng rơi	TCVN 11608-3:2016, TCVN 2098:07, TCVN 2099:13, TCVN 2100:2013
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		
36	Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030-04
37	Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót cát	ASTM D4914
38	Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường phương pháp dao đai	AASHTO T204
39	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:12
40	Xác định độ chặt sau khi đầm nền tại hiện trường	TCVN 8730:12

*Del*

STT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử (*)
41	Điện trở xuất của mẫu bao hòa tiếp xúc đất	AASHTO T288
<b>THÍ NGHIỆM GỐI CẦU CAO SU CỐT BÀN THÉP, GỐI CHẬU VÀ KHE CO GIÃN</b>		
42	Xác định tính chất cơ lý gối cầu kiểu chậu: Thử nghiệm nén thẳng đứng, thử nghiệm góc xoay, thử nghiệm hệ số ma sát, thử nghiệm lực đẩy ngang	TCVN 10269:14; TCVN 10308:14; ASTM D5212; ASTM 5977; AASHTO M251
43	Xác định tính chất cơ lý gối cầu cao su cốt bản thép: Thử nghiệm nén phá hoại cực hạn, góc xoay, Mô đun trượt của gối cầu	TCVN 10308:14; ASTM D4014; ASTM 5977; AASHTO M251
44	Thử kéo giãn vật liệu chất dẻo	TCVN 4501:2014; ASTM D638
45	Xác định độ bền kéo bóc	TCVN 4867:13; ASTM D429
46	Xác định hệ số hoá già nhiệt	TCVN 2229:13; ASTM D573
47	Xác định biến dạng nén dư	TCVN 5320:08; ASTM D395-02
48	Xác định sự tác động của chất lỏng	TCVN 2752:2017; ASTM D471
49	Độ bền kháng Ozon	ASTM D1149
50	Xác định nhiệt độ hoá giòn	TCVN 5321:07; ASTM D746
51	Xác định độ bền xé rách	TCVN 1597:0; ASTM D624
52	Độ bóc tách giữa cao su và kim loại (thép)	ASTM D903:98
53	Phương pháp thí nghiệm tính chất của cao su về khả năng chịu nén	ASTM D575
<b>VỮA XÂY DỰNG</b>		
54	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định thành phần có hại trong vật liệu, lượng vón cục trên sàng, độ chảy, độ chảy lan toả, độ tách nước và thay đổi thể tích, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018
<b>KÉO NHỎ NEO, BU LÔNG</b>		
55	Phương pháp thử tiêu chuẩn để kiểm tra hiệu suất liên kết của neo ngoại quan	ASTM E1512-01
<b>MƯƠNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN</b>		
56	Khả năng chịu tải ngang, khả năng chịu tải đứng, khả năng thấm nước, kích thước hình học	TCVN 6394:14
<b>TÀ VỆT</b>		
57	Xác định cường độ chịu uốn của Tà vệt Bê tông cốt thép	22TCN 351:06, BS EN13230 , JIS E1201- 97

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.